

Đại học Quốc gia Hà Nội góp phần đưa Luật Giáo dục đại học vào cuộc sống



Trong thời gian qua, hệ thống giáo dục đại học (GDĐH) của chúng ta tuy đã đạt được những thành tựu nhất định, nhưng những bất cập và tồn tại của nó đã khiến nhiều nhà quản lý, nhà khoa học và đông đảo dư luận bàn thảo sôi nổi nhằm tìm cách khắc phục. Một trong những công cụ mang tính pháp lý để giải quyết vấn đề này là sự ra đời của Luật GDĐH (có hiệu lực từ ngày 1.1.2013). Tạp chí Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Việt Nam đã có cuộc trao đổi với GS.TSKH Vũ Minh Giang - Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) xung quanh vấn đề này và một số nhiệm vụ trọng tâm mà ĐHQGHN sẽ thực hiện nhằm góp phần đưa Luật GDĐH vào cuộc sống.

Mặc dù đã đạt được những thành tựu nhất định, nhưng hệ thống GDĐH của chúng ta hiện nay vẫn còn không ít tồn tại. Theo GS, những tồn tại và hạn chế mang tính cốt lõi của hệ thống GDĐH Việt Nam là gì?

GS.TSKH Vũ Minh Giang: Trong thời gian qua, hệ thống GDĐH của Việt Nam đã đạt được những thành tựu nhất định, góp phần đào tạo hàng triệu lao động trình độ cao, chất lượng cao cho đất nước. Tuy nhiên, về thực trạng của hệ thống GDĐH, tôi xin được nêu lên một số hạn chế cần được khắc phục:

Thứ nhất, mô hình GDĐH được duy trì từ thời bao cấp còn nặng nề. Mô hình này là các đại học chuyên ngành, được chúng ta học tập kỹ lưỡng từ Liên Xô. Liên Xô có một hệ thống GDĐH rất tốt, nhưng lại phục vụ cho một nền kinh tế kế hoạch hóa cao độ cho nên mỗi trường được giao nhiệm vụ đào tạo một loại chuyên gia riêng biệt... Ngoài một số trường



tổng hợp, thì cơ bản các trường đại học đều đào tạo chuyên ngành riêng biệt như xây dựng, điện, mỏ, thủy lợi, ngân hàng... Mô hình này tỏ ra bất cập khi chúng ta bước vào thời kỳ đổi mới, vận hành nền

kinh tế theo các quy luật của kinh tế thị trường. Trong bối cảnh ấy, trường đại học là các cơ sở đào tạo, nghiên cứu nhằm giải quyết những vấn đề đa tạp của xã hội và đáp ứng nhu cầu đa dạng hoá của

thị trường lao động và do vậy, nó phải có mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau, giải quyết những bài toán có tính chất tổng hợp. Với tính chất như vậy cũng như thực tế đòi hỏi thì mô hình cũ đã không còn phù hợp.

Thứ hai, không phân biệt rõ giữa GDĐH, sau đại học với giáo dục phổ thông. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, GDĐH của ta hiện nay theo kiểu “phổ thông cấp IV” là có lý. Trường đại học là nơi tham gia sáng tạo tri thức mới chứ không phải chỉ dạy những kiến thức cũ, nhưng các trường đại học của ta chưa chú ý đến nghiên cứu mà chỉ tập trung vào dạy những kiến thức cũ, kiến thức chuyên môn, mà kiến thức chuyên môn thì tăng rất nhanh nên sẽ thành bị “nồi”. Quá tải là căn bệnh trầm kha của thực trạng này, biểu hiện của nó là dạy rất nhiều nhưng sinh viên vẫn không giỏi vì không thể tiếp thu hết được. Thực tế này dẫn đến việc thi cử (đầu vào, đầu ra) đều kiểm tra sinh viên về kiến thức chuyên môn và hai căn bệnh đồng hành của nó là thi cử theo lối học tủ, quay cóp.

Thứ ba, mong muốn có cả một hệ thống GDĐH Việt Nam đạt chất lượng cao là một quan niệm không thực tế và chưa thật phù hợp với quy luật. Trên thế giới, kể cả những nước phát triển, không có nước nào có một toan tính và tham vọng như vậy. GDĐH là đạo tạo nguồn nhân lực cho xã hội vốn rất đa dạng về loại hình và yêu cầu về chất lượng. Ngay cả những nước tiên tiến, nhân lực cũng phân hoá ra nhiều tầng: nếu muốn giảng dạy ở các trường đại học danh tiếng, làm việc ở những nơi yêu cầu chất lượng cao như các viện nghiên cứu, NASA, Thung lũng Silicon... thì buộc phải học ở những trường đại học danh



tiếng, nhưng nếu chỉ đáp ứng làm kế toán ở một xưởng, công ty nhỏ nào đó thì không nhất thiết phải học ở Đại học Harvard. Rõ ràng, hệ thống GDĐH cũng cần có sự phân hóa theo thị trường, nhưng trước đây chúng ta lại không quan niệm như vậy. Cả xã hội đều nói đến và mong muốn chất lượng GDĐH được nâng lên, nhưng chất lượng vẫn không được cải thiện. Vì không chấp nhận sự phân tầng trong các trường đại học, vô hình trung chúng ta muốn đẩy những trường có chất lượng thấp lên thì lại kéo những trường đang có xu hướng vươn cao.

Thứ tư, tính liên thông hệ thống GDĐH với xã hội của chúng ta còn yếu. Trong trường, các thầy chỉ dạy những gì mình có mà không quan tâm đến việc xã hội cần gì. Thực tế là nhu cầu học đại học rất lớn nên không tạo ra động lực cho sự đổi mới. Xã hội là mệnh lệnh để chúng ta dạy cái gì, dạy như thế nào, liều lượng ra sao, nhưng chúng ta lại bắt xã hội chấp nhận.

Thứ năm, chúng ta cũng không chú ý đến liên thông quốc tế.

Những nước phát triển như Mỹ và các nước châu Âu đã nhận ra sự lạc hậu trong hệ thống GDĐH nên họ ngồi lại với nhau để kiểm điểm và đổi mới nhưng chúng ta thì cứ bình lặng.

Cuối cùng là vấn đề quản lý nhà nước. Câu chuyện liên quan đến bài toán tự chủ, một mặt chúng ta rất cần sự thống nhất trong quản lý nhà nước, nhưng đôi lúc sự quản lý của nhà nước lại giống với sự hiện diện của nhà nước ở các công đoạn khác nhau. Không hẳn tăng cường sự quản lý nhà nước là tăng cường sự hiện diện của nhà nước. Do vậy, chúng ta cần xác định lại nội hàm của quản lý nhà nước và tự chủ của trường đại học ra sao.

Bắt đầu từ 1.1.2013, Luật GDĐH có hiệu lực. Xin GS cho biết những điểm cơ bản nhất, mang tính đổi mới để khắc phục những tồn tại trong hệ thống GDĐH hiện nay cũng như thúc đẩy hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao mà Luật này đề cập?

GS.TSKH Vũ Minh Giang:
Luật GDĐH ra đời đã đề cập và hướng tới giải quyết những bất cập như trên đã nêu:

Một là, các điều khoản của Luật đã nói rõ về hệ thống các trường đại học như thế nào, có nêu rõ đại học định hướng nghiên cứu, đại học đa ngành, đa lĩnh vực như đại học quốc gia, đại học vùng... ra sao.

Hai là, có sự thừa nhận về sự phân tầng trong GDĐH là một khách quan chứ không mang tính áp đặt.

Ba là, nêu cao tính tự chủ của các trường đại học, đặc biệt là tự chủ về học thuật. Tôi xin lấy một ví dụ, nếu không có sự tự chủ trong học thuật, những ngành học mới phát sinh phải được phép mới dạy thì chúng ta sẽ mãi mãi lạc hậu, vì khoa học trên thế giới phát triển không ngừng.

Với tư cách là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao, được Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển, trong những năm qua ĐHQGHN đã đạt được những kết quả như thế nào trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, thưa GS?

GS.TSKH Vũ Minh Giang:
Cùng với Luật GDĐH, Kết luận Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI) về giáo dục và đào tạo sẽ tác động rất mạnh đến đổi mới hệ thống GDĐH trong thời gian tới. Với sự ra đời của Luật GDĐH, ĐHQGHN coi đây là một mốc mang tính lịch sử. ĐHQGHN hình thành là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, muốn xây dựng một đại học đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao; là nòng cốt để đổi mới hệ thống GDĐH của Việt Nam. Với chủ trương lớn như vậy, lần này vai trò và chức năng của ĐHQGHN đã được luật hóa, cụ thể là tại Điều 8, trong đó ĐHQGHN đã có những quyền tự chủ rất cao. Đây cũng là cơ hội để ĐHQGHN có những điều kiện tốt hơn nhằm thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình.

Về đào tạo, ĐHQGHN có bề dày truyền thống, uy tín về đào tạo chất lượng cao, trình độ cao và bồi dưỡng nhân tài. Hàng năm, ĐHQGHN đào tạo khoảng 5.000 cử nhân, trong đó có 10% sinh viên thuộc các hệ cử nhân tài năng, chất lượng cao, chương trình tiên tiến, đạt chuẩn quốc tế. Hiện nay, ĐHQGHN đang đào tạo 107 chương trình đại học (75 chương trình chuẩn, 7 chương trình thuộc nhiệm vụ chiến lược - đạt chuẩn

quốc tế, 4 chương trình tài năng, 4 chương trình tiên tiến, 17 chương trình chất lượng cao); 127 chương trình thạc sỹ và 105 chương trình tiến sỹ. Tỷ lệ đào tạo sau đại học/tổng quy mô đào tạo chính quy đạt 25%. Sau 4 năm sơ kết Đề án "16/23" (16 ngành đào tạo đại học và 23 chuyên ngành đào tạo sau đại học đạt chuẩn quốc tế), đã có 1.979 sinh viên theo học (143 sinh viên đã tốt nghiệp); 158 học viên cao học/nghiên cứu sinh (34 đã tốt nghiệp).

Về hoạt động KH&CN, ĐHQGHN là trung tâm đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng, giữa khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn, giữa khoa học và công nghệ để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu trọng điểm về khoa học cơ bản, công nghệ cao và kinh tế - xã hội mũi nhọn; cung cấp các luận cứ, kết quả nghiên cứu tầm cỡ quốc gia và tiếp cận chuẩn quốc tế cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Năm 2012, ĐHQGHN thực hiện 101 đề tài/dự án cấp nhà nước (4 đề tài/dự án thuộc chương trình trọng điểm cấp nhà nước, 7 đề tài độc lập, 11 đề tài theo nghị định thư, 1 nhiệm vụ quỹ gen, 78 đề tài do Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia tài trợ) và hơn 500 đề tài/dự án, nhiệm vụ khác. Kết quả hoạt động KH&CN của ĐHQGHN trong năm 2012 còn được thể hiện qua 196 bài báo được đăng tải trên các tạp chí uy tín quốc tế, 121 đầu sách, 151 học viên cao học được đào tạo thông qua các đề tài/dự án, 44 tiến sỹ được đào tạo thông qua các đề tài/dự án, số văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ được cấp là 5. Có thể khẳng





định, các kết quả nghiên cứu của ĐHQGHN được xã hội đánh giá cao, nhiều sản phẩm KH&CN đã tiếp cận trình độ khu vực và thế giới, có giá trị thực tiễn cao.

Để thực hiện tốt vai trò của mình, cũng như góp phần đưa Luật GDĐH được thực thi một cách hiệu quả, ĐHQGHN có định hướng như thế nào, thưa GS?

GS.TSKH Vũ Minh Giang: ĐHQGHN coi Luật GDĐH có hiệu lực thi hành là một thời cơ và thách thức mới trên con đường phát triển của mình. Định hướng sắp tới mà ĐHQGHN gọi đó là nhiệm vụ chiến lược của mình là làm sao thực hiện tốt nhất vai trò đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao (đào tạo sau đại học), chất lượng cao (ngành đào tạo có chất lượng cao hơn so với những cơ sở khác, đào tạo thêm những ngành mới). Theo dự thảo Luật KH&CN sửa đổi, ĐHQGHN còn là một cơ sở nghiên cứu khoa học, tham gia sáng tạo tri thức mới cho nên nhiệm vụ của ĐHQGHN còn là tạo ra những sản phẩm nghiên cứu đạt chất lượng cao, có những sản phẩm mang

tầm quốc tế.

Nhiệm vụ chiến lược của ĐHQGHN là tập trung đầu tư để đưa các ngành đào tạo, tích hợp giữa nghiên cứu và đào tạo đạt chuẩn quốc tế nhanh nhất. Cách đi của ĐHQGHN là chọn những ngành có yếu tố cận kề với trình độ quốc tế (chương trình, trang thiết bị tốt và đặc biệt là đội ngũ cán bộ trình độ cao được đào tạo ở nước ngoài). Đây cũng chính là mục tiêu của Đề án “16/23” (tập trung đầu tư vào 16 ngành đại học và 23 chuyên ngành sau đại học sớm đạt chuẩn quốc tế). Đây là đề án mang tính chiến lược với hy vọng sau một thời gian thì 70-80% số ngành sẽ đạt chuẩn quốc tế. Để làm được nhiệm vụ chiến lược này, phương châm hành động của ĐHQGHN là “huy động mọi nguồn lực”, tức là tất cả mọi nguồn lực, quan hệ phải tập trung cho nhiệm vụ này, coi đó là nhiệm vụ xương sống của mình.

Thể hiện vai trò nòng cốt của mình về KH&CN cũng như đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao, ĐHQGHN phải

tham gia thực hiện các nhiệm vụ quốc gia. Vừa rồi, ĐHQGHN đã xây dựng đề cương thực hiện Chương trình Tây Bắc và đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, các bộ/ngành có liên quan ủng hộ. ĐHQGHN coi đó là một trong những trọng tâm và dồn công sức cho việc này, từ đào tạo, nghiên cứu, áp dụng, chuyển giao công nghệ... Cùng với Chương trình Tây Bắc, ĐHQGHN cũng sẽ tiến hành hợp tác với các địa phương, hiện nay đã hợp tác rất thành công với Quảng Ninh, Hà Giang...

Tiến hành hợp tác quốc tế gắn kết với hoạt động nội tại của mình. Trước đây hoạt động hợp tác quốc tế thường gắn với những ưu tiên của đối tác quốc tế.

ĐHQGHN sẽ xây dựng những ngành học mới, mang tính tiên phong cho Việt Nam. Hiện nay, đã xây dựng thành công chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Biến đổi khí hậu, đây là kết quả của nghiên cứu và hợp tác quốc tế chặt chẽ với các đối tác Nhật Bản, Hoa Kỳ. Một chương trình cũng vừa được ĐHQGHN xây dựng xong là Khoa học bền vững, một ngành khoa học mang tính liên ngành, phối hợp. Đang tiến hành xây dựng ngành khoa học Quản trị an ninh... Tóm lại đó là những ngành đào tạo mới chưa đầu làm và ĐHQGHN đi tiên phong trong việc xây dựng chương trình đào tạo và nghiên cứu.

Xin trân trọng cảm ơn GS và chúc ĐHQGHN làm tròn sứ mệnh mà Đảng và Nhà nước giao phó.

Thực hiện: **Vũ Hưng**